

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 10-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quốc Võ
2. Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sĩ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kiên Thị R sinh năm 1994; trú tại: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Đoàn Thị Tú H, sinh năm 1995, trú tại: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; có mặt.

- Bị đơn:

1/. Ông Lê Chí T sinh năm 1976; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có mặt.

2/. Bà Huỳnh Thị Kiều T sinh năm 1980; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/6/2021 và lời khai tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà H trình bày:

Ngày 25/8/2017 hộ kinh doanh Tân Trường H với ông T1 và bà T2 có thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm. Theo đó thỏa thuận như sau: hộ kinh doanh Tân Trường H bán thức ăn nuôi tôm, thuốc nuôi tôm cho ông T1 và bà T2, khi thu hoạch tôm thì ông T1 và bà T2 có trách nhiệm trả hết nợ cho hộ kinh doanh Tân Trường H.

Ngày 25/8/2017 ông T1 và bà T2 nhận thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm, đến khi thu hoạch tôm xong thì ông T1 và bà T2 không trả nợ theo thỏa thuận. Đến tháng 21/5/2019 thì hai bên ngưng giao dịch.

Đến ngày 08/3/2021 giữa bà Kiên Thị R đại diện hộ kinh doanh Tân Trường H với ông T1 đối chiếu công nợ. Các bên thống nhất ông T1 và bà T2 còn nợ bà R số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm tổng cộng là 202.145.000 đồng. Tuy nhiên đến nay ông T1 và bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 202.145.000 đồng.

Nay yêu cầu ông T1 và T2 trả cho bà R số tiền nợ gốc 202.145.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 0,83%/tháng tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/6/2021 số tiền là 30.000.000 đồng. Rút lại 01 phần yêu cầu tiền lãi là 10.267.000 đồng.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải và tại phiên tòa bị đơn ông T trình bày:

Ông thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà R. Sau đó ông và bà R có đối chiếu nợ số tiền gốc là 202.145.000 đồng. Nay ông đồng ý trả số tiền 202.145.000 đồng cho bà R. Về tiền lãi ông xin được trả số tiền 20.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 20.267.000 đồng vợ chồng ông xin bà R, vì không có thỏa thuận tiền lãi, hơn nữa bà R đã bán giá cao hơn giá trả tiền mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 06/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải bị đơn bà T2 trình bày:

Bà có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, về việc bà R yêu cầu bà với ông T1 trả nợ tiền mua bán thức ăn nuôi tôm. Bà thống nhất là bà với ông T1 có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm của bà R và hiện còn nợ số tiền 202.145.000 đồng, nhưng do làm ăn thất bại nên chưa trả được. Nay thống nhất trả số tiền nợ gốc 202.145.000 đồng cho bà R. Về tiền lãi không đồng ý trả vì, không có thỏa thuận trả tiền lãi, hơn nữa khi mua bà R đã nâng giá cao hơn giá trả tiền mặt.

Về ý kiến phát biểu tranh luận: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H cho rằng do vợ chồng ông T1 và bà T2 chậm trả tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm số tiền 202.145.000 đồng kể từ khi hai bên ngưng giao dịch ngày 21/5/2019 do đó phải chịu tiền lãi số tiền 30.000.000 đồng. Bị đơn

ông T cho rằng khi mua bán không có thỏa thuận về tiền lãi nên vợ chồng ông chỉ chấp nhận trả tiền chậm nghĩa vụ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/6/2021 với số tiền 20.000.000 đồng, phần còn lại xin không trả.

- Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ theo quy định, tuy nhiên chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nguyên cứu chưa đúng thời gian quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: theo các chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn bà R với bị đơn ông T1 và bà T2 đã thể hiện: ông T1 và bà T2 có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm của bà R. Đến ngày 08/3/2021 giữa bà R và ông T1 có đối chiếu nợ với số tiền gốc 202.145.000 đồng, theo biên bản ghi lời khai của ông T1 và bà T2 cũng thừa nhận còn nợ bà R số tiền 202.145.000 đồng. Theo thỏa thuận thì ông T1 và bà T2 khi thu hoạch tôm xong phải trả cho bà R tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm, nhưng đến nay chưa thanh toán tiền cho bà R là đã vi phạm hợp đồng. Việc ông T1 và bà T2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, phía nguyên đơn bà R yêu cầu tính lãi chậm trả bằng 10% tính từ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/6/2021 số là đúng quy định tại các Điều 440 và 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu tiền lãi với số tiền 10.267.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn bà R khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T2 trả tiền mua bán còn nợ; bị đơn ông T1 và bà T2 có địa chỉ cư trú ấp M, xã N, thị xã P. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1 và bà T2. Tại phiên tòa bà T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T2.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Kiên Thị R, Hội đồng xét xử xét thấy: bà R khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T2 trả tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc

nuôi tôm với số tiền 202.145.000 đồng. Bị đơn ông T1 và bà T2 thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm của bà R và hiện còn nợ bà R số tiền 202.145.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các chứng cứ nguyên đơn bà R cung cấp và lời trình bày của bị đơn ông T1 và bà T2 thể hiện: ông T1 và bà T2 mua thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm của bà R từ ngày 25/8/2017 đến ngày 21/5/2019 thì ngưng, đến ngày 08/3/2021 thì bà R và ông T1 có đối chiếu nợ với số tiền 202.145.000 đồng, nhưng đến nay chưa thanh toán cho bà R là vi phạm hợp đồng. Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R buộc ông T1 và bà T2 liên đới trả cho bà R số tiền 202.145.000 đồng.

[3.1] Về khởi kiện của bà R yêu cầu về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận ông T1 và bà T2 thanh toán tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm sau khi thu hoạch tôm. Bà R với ông T1 và bà T2 ngưng giao dịch mua bán từ ngày 21/5/2019 nhưng đến nay chưa thanh toán tiền gốc là 202.145.000 đồng cho bà R là chậm thực hiện nghĩa vụ. Bà R yêu cầu ông T1 và bà T2 trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 10% năm, tương đương 0,83% là đúng theo quy định tại Điều 440 và 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu tiền lãi với số tiền 10.267.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R buộc ông T1 và bà T2 trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ cho bà R với số tiền là 30.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối việc bà H rút yêu cầu khởi kiện phần tiền lãi là với số tiền 10.267.000 đồng.

[4] Về án phí: nguyên đơn bà R được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.060.000 đồng theo lai thu số 0006223 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Bị đơn ông T1 và bà T2 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: $232.145.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.607.250 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 433, 434, 436, 440, 357 và 468 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kiên Thị Rum

- Buộc ông Lê Chí T và bà Huỳnh Thị Kiều T liên đới trả cho bà Kiên Thị R số tiền nợ gốc 202.145.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 30.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 232.145.000 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về tiền lãi số tiền 10.267.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Chí T và bà Huỳnh Thị Kiều T liên đới phải chịu 11.607.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Kiên Thị R được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.060.000 đồng theo lai thu số 0006223 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Truyền